TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2021/HS-PT
Ngày 15/3/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mai;

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Văn Hạnh;

Ông Đặng Đình Lực.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Ngô Ngọc Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Pham Ngọc Vỹ - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 15 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh N, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 879/TLPT-HS ngày 15 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo Phạm Thị Thu M phạm tội "Đánh bạc" do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2020/HSST ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh N.

Bị cáo có kháng cáo:

Phạm Thị Thu M, sinh năm: 1988; Giới tính: Nữ. Nơi cư trú: 354 Đ, phường C, thành phố N, tỉnh N; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Văn hoá: 8/12; Nghề nghiệp: tự do; Con ông: Phạm Văn X, sinh năm 1964; Con bà: Trần Thị H, sinh năm 1966; Gia đình có 2 chị em, M là con thứ nhất; chồng: Nguyễn Đức Ngọc L, sinh năm 1992; Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, hiện có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có cáo bị cáo Trịnh Thị Thục L1, Trịnh H1, Nguyễn Thị Hương G, Phạm Xuân T, Nguyễn Thị Phương T1, Trần Phương L1, Lại T2 không kháng cáo, kháng nghị Tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 06/02/2020, Nguyễn Thị Hương G, Trịnh H1, Trịnh Thị Thục L1, Phạm Xuân T rủ nhau đến nhà hàng V ở số 9 Y, phường L2, thành phố N để ăn uống. Sau khi ăn xong, khoảng 21 giờ cùng ngày cả 04 đối tượng cùng nhau đến nhà Phạm Thị Thu M ở số 142 Q, phường Q, thành phố N chơi. Khi cả nhóm đến nhà M thì lúc này ở nhà M ngoài M còn có chồng là Nguyễn Đức L và Lại T2, Trần Phương L1, Phạm Thị Phương T1, Trần Thị Thu T3 (T3 sinh năm 1998; Nơi cư trú: 177/703 đường T4, phường H2, thành phố N) cũng đến chơi. Cả nhóm ngồi chơi uống nước đến khoảng 21 giờ 30' cùng ngày thì thấy có 02 bộ bài 52 quân do L mua cho con chơi để ở bàn uống nước. Thấy thế, Nguyễn Thị Hương G, Trịnh H1, Trịnh Thị Thục L1, Phạm Xuân T, Phạm Thị Thu M, Lại T2, Trần Phương L1, Phạm Thị Phương T1 rủ nhau chơi bài ăn tiền dưới hình thức chơi "lốc". Các đối tượng chia làm 02 chiếu để chơi. Chiếu của Trịnh Thị Thục L1, Phạm Xuân T, Lại T2, Trần Phương L1 ngồi trên thảm ở gần cửa ra vào phòng khách còn chiếu của Nguyễn Thị Hương G, Trịnh H1, Phạm Thị Thu M, Phạm Thị Phương T1 ngồi trên thảm ở góc phía trong gần cầu thang lên tầng 2. Khi bắt đầu chơi, Trịnh H1 bỏ ra số tiền 7.500.000 đồng để tham gia đánh bạc; Trịnh Thị Thục L1 bỏ ra số tiền 8.000.000 đồng; Phạm Xuân T bỏ ra số tiền 5.000.000 đồng; Trần Phương L1 bỏ ra số tiền 4.000.000đồng; Lại T2 bỏ ra số tiền 3.000.000 đồng; Nguyễn Thị Hương G bỏ ra số tiền 7.000.000 đồng; Phạm Thị Phương T1 bỏ ra số tiền 5.000.000 đồng; Phạm Thị Thu M bỏ ra số tiền 900.000 đồng đều để tham gia đánh bạc.

Các đối tượng thống nhất với nhau hình thức chơi và mức cá cược như sau: Người chơi sử dụng bộ bài 52 quân bài sau đó chia đều cho mỗi người 10 quân bài, số bài còn lại bỏ xuống chiếu. Thứ tự quân bài lẻ (rác) là các quân bài đơn lẻ, không nằm trong bộ nào.

Thứ tự các quân bài từ 3,4,5, …, J, Q, K, A, 2. Trong số các quân bài thì quân 3 là quân nhỏ nhất, quân 2 là quân lớn nhất.

Đôi: Là cặp bao gồm 02 quân bài cùng số. Đôi 3 là đôi nhỏ nhất, đôi 2 là đôi lớn nhất.

Sám: Bộ bài gồm 03 lá bài cùng số thứ tự lớn nhỏ tương tự như bài lẻ.

Tứ quý: Bộ bài gồm 04 lá bài cùng số, thứ tự từ nhỏ đến lớn cũng tính từ 3 đến 2.

Sảnh: Bộ gồm các quân bài có thứ tự liên tiếp. Độ dài của Sảnh bắt buộc là phải từ 03 quân bài liên tiếp trở lên. Độ lớn của Sảnh được tính như sau: Sảnh nhỏ nhất bắt đầu từ A, Sảnh lớn nhất kết thúc bởi A.

Ăn lốc: được tính khi người chơi có bài là Sảnh 10 quân, tứ quý 2, cả 10 quân cùng màu, 5 đôi.

Xin lốc: xem bài nếu bài của mình có thể về nhất và không ai có thể chặn được thì người chơi có thể xin lốc và là người thắng cuộc. Nếu xin lốc bị bắt thì phải đền làng cho người bắt được lốc.

Trong khi chơi, người đi sau sẽ phải chặn người đi trước với quân bài lớn hơn, tứ quý bất kỳ có thể chặn được quân 2. Nếu người chơi không bắt được thì người kế tiếp được quyền đánh. Nếu ai còn duy nhất 01 quân bài trên tay thì phải báo và người ngồi kế trước phải đánh quân bài to nhất để chặn. Người nào đánh hết số bài trên tay trước thì thắng cuộc và người còn lại sẽ phải đếm số quân bài còn lại trên tay nhân với 10.000 đồng/ 01 quân bài để trả tiền cho người thắng.

Người nào ăn lốc thì người bị lốc phải trả cho người ăn lốc 200.000 đồng. Nếu xin lốc mà không ai bắt được thì số người còn lại phải trả cho người xin lốc số tiền 200.000 đồng và ngược lại nếu bị bắt thì người xin lốc phải trả cho người bắt lốc số tiền là 600.000 đồng.

Khi 02 nhóm đánh bạc thì Trần Thị Thu T3 và Nguyễn Đức Ngọc L ngồi ngoài xem, không tham gia chơi cùng. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn M1 (là chồng Nguyễn Thị Hương G), sinh năm 1985, trú tại: số 1/6 Đ1, phường N1, thành phố N và Trần Văn T5 (là chồng Phạm Thị Phương T1), sinh năm 1987, trú tại: số 70 H3, phường B, thành phố N đến đón vợ về. Cả hai thấy các đối tượng đang đánh bạc nên ngồi ngoài xem, không tham gia. Các đối tượng chơi đến khoảng 23 giờ 30’ cùng ngày thì bị tổ công tác Đội điều tra tổng hợp Công an thành phố N bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc gần cửa ra vào tổng số tiền các đối tượng dùng để đánh bạc là 20.000.000 đồng và 01 bộ bài 52 quân; thu giữ tại chiếu bạc gần cầu thang tổng số tiền là 20.400.000 đồng và 01 bộ bài 52 quân.

Trịnh H1 là người có quốc tịch Cộng hoà liên bang Đ2 nên ngày 12/02/2020 Cơ quan CSĐT Công an thành phố N đã có Công văn số 523/CV gửi Phòng An ninh đối ngoại – Công an tỉnh N đề nghị phối hợp trao đổi thông tin đến phòng Ngoại vụ - Uỷ ban nhân dân tỉnh N làm các thủ tục thông báo tới Cơ quan đại diện ngoại giao của Cộng hoà liên bang Đ2 tại Việt Nam. Ngày 19/3/2020, phòng Ngoại vụ - Uỷ ban nhân dân tỉnh N đã có Công văn số 29/UBND-VP12 gửi Đại sứ quán Đ2 tại Việt Nam thông báo về việc vi phạm của Trịnh H1. Tuy nhiên, đến nay Đại sứ quán Đ2 tại Việt Nam chưa có thông tin phản hồi. Ngày 29-02-2020, Cơ quan CSĐT Công an đã có Công văn số 551/VC đề nghị Văn phòng Cơ quan CSĐT – Bộ Công an xác minh, cung cấp lý lịch tư pháp của Trịnh H1. Ngày 12/5/2020, Văn phòng Cơ quan CSĐT – Bộ Công an đã trao đổi với cảnh sát Đức và có Công văn số 2600/C01-P6 trả lời Công văn số 551/CV về thông tin nhân thân, lai lịch, tiền án tiền sự của Trịnh H1 như sau: Họ tên: Trịnh H1; Tên cũ: Trinh Thi Thanh H1, ngày sinh 21/11/1991; quốc tịch: Đ2; hộ chiếu số: Z; địa chỉ: H3 9, thành phố A, Đ2; tình trạng hôn nhân: Đã ly hôn; có 03 con; tiền án, tiền sự: không. Ngày 12/3/2020, Cơ quan CSĐT Công an thành phố N đã làm thủ tục tương trợ tư pháp gửi Viện kiểm sát nhân dân tối cao để xác minh lý lịch tư pháp của Trịnh H1 tại Cộng hoà liên bang Đ2. Tuy nhiên, đến nay đã hết thời hạn điều tra nhưng Viện kiểm sát nhân dân tối cao vẫn chưa nhận được trả lời của Bộ tư pháp liên bang nước Cộng hoà liên bang Đ2.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2020/HSST ngày 09/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh N đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị Thu M phạm tội "Đánh bạc".

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo: Phạm Thị Thu M 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo Trịnh Thị Thục L1, Trịnh H1, Nguyễn Thị Hương G, Phạm Xuân T, Phạm Thị Phương T1, Trần Phương L1, Lại T2; xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/9/2020, bị cáo Phạm Thị Thu M kháng cáo xin giảm hình phạt và hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Phạm Thị Thu M giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất và cho bị cáo được hưởng án treo vì bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và hiện đang nuôi 03 con còn nhỏ nên cần có sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ áp dụng đối với bị cáo xác định Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo Phạm Thị Thu M 09 tháng tù về tội "Đánh bạc" là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ mới. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên hình phạt tại Bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Phạm Thị Thu M kháng cáo trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào Bản án sơ thẩm, các tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 06/02/2020, tại nhà của Phạm Thị Thu M ở 142 Q, phường Q, thành phố N, tỉnh N, các đối tượng Phạm Thị Thu M, Trịnh Thị Thục L1, Trịnh H1, Nguyễn Thị Hương G, Phạm Xuân T, Phạm Thị Phương T1, Trần Phương L1, Lại T2 đã chia làm 02 nhóm cùng nhau đánh bạc dưới hình thức chơi "lốc" được thua bằng tiền. Phạm Thị Thu M dùng 900.000 đồng để đánh bạc. Cả hai nhóm đánh bạc đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày thì bị tổ công tác Đội điều tra tổng hợp - Công an thành phố N phát hiện bắt quả tang thu giữ tổng số tiền dùng để đánh bạc của 2 nhóm là 40.400.000 đồng. Hành vi nêu trên của Phạm Thị Thu M và đồng bọn đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc". Tòa án sơ thẩm

xét xửa các bị cáo theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, không oan.

[3] Bị cáo M là người có đầy đủ năng lực nhận thức để biết hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện nên phải bị nghiêm trị. Tòa án sơ thẩm đã vận dụng các tình tiết giảm nhẹ: bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình bị điều tra, truy tố, xét xử bị cáo tỏ ra ăn năn, hối cải; bị cáo có 03 con còn nhỏ (lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2019) để xử phạt bị cáo 09 tháng tù là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đúng người, đúng tội, không oan. Không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4] Tuy bị cáo cùng các bị cáo khác bột phát rủ nhau đánh bạc, không có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người thực hiện hành vi phạm tội, số tiền Phạm Thị Thu M sử dụng để đánh bạc không đáng kể (900.000 đồng) nhưng bị cáo là chủ nhà, cho các đối tượng dùng nhà mình để đánh bạc và bản thân bị cáo cũng cùng tham gia đánh bạc. Tòa án sơ thẩm xác định bị cáo giữ vai trò đầu vụ là chính xác nên thuộc trường hợp không được hưởng án treo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự. Không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo, giữ nguyên hình phạt Bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo Phạm Thị Thu M.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Kháng cáo đề nghị giảm hình phạt và được hưởng án treo của Phạm Thị Thu M không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo đề nghị giảm hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo Phạm Thị Thu M; giữ nguyên hình phạt tại Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2020/HSST ngày 09/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh N đã xét xử bị cáo Phạm Thị Thu M về tội "Đánh bạc" như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo: Phạm Thị Thu M 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Bị cáo Phạm Thị Thu M phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án Hình sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh N;
- TAND tỉnh N;
- Cục THADS tỉnh N;
- Bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA; VP; P.HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Mai